

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHIÊM HÓA
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2023/HS-ST
Ngày 30-11-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HÓA, TỈNH TUYÊN QUANG

- Th phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Xuân Tuyến.

2. Bà Tường Thị Thu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Thị Hanh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Minh Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 59/2023/TLST-HS, ngày 25 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2023/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 11 năm 2023; Quyết định thay đổi thời gian xét xử số 10/2023/QĐ-TA ngày 14 tháng 11 năm 2023 đối với bị cáo:

TRIỆU VĂN TH, tên gọi khác: Không; sinh ngày 23/4/1992 tại huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Nơi đăng ký thường trú: Thôn NK, xã KĐ, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang; giới tính: Nam; dân tộc: Dao; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: Lớp 6/12; đảng, đoàn thể: Không; con ông Triệu Văn Q, sinh năm 1967 và bà Bàn Thị M, sinh năm 1972; anh, chị, em ruột: Có 03 người, bị cáo là thứ hai; vợ: Lương Thị T, sinh năm 1993; con: Có 04 con, lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2023.

Tiền án: Bản án số 13/2015/HSST ngày 10/6/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xử phạt bị cáo 07 tháng tù cho hưởng án treo về tội Đánh bạc (chưa chấp hành án phí và tiền phạt).

Tiền sự: Quyết định số 22/QĐ-UBND ngày 17/3/2023 của Ủy ban nhân dân xã KĐ, huyện Chiêm Hóa, Quyết định cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng.

Nhân thân: Quyết định số 108/QĐ-UBND ngày 07/7/2020 của Ủy ban nhân dân xã KĐ, huyện Chiêm Hóa, Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã đối với người nghiện ma túy.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 18/8/2023, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang (*Có mặt*).

* Người bào chữa cho bị cáo Triệu Văn Th: Bà Vũ Thanh Thủy - Trợ giúp viên Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Tuyên Quang (*Có mặt*).

* Bị hại: Ông Bàn Văn C, sinh năm 1976. Địa chỉ: Thôn NK, xã KĐ, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang (*Có đơn xin xét xử vắng mặt*).

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Ma Thị Đ, sinh năm 1980. Địa chỉ: Thôn KT, xã NT, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn (*Vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 24/5/2023, Triệu Văn Th trú tại Thôn NK, xã KĐ, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang (là người nghiện chất ma túy) đến nhà ông Bàn Văn C, trú cùng thôn hỏi mượn xe mô tô để đi sang tỉnh Bắc Kạn tìm mua ma túy để sử dụng. Khi đến nơi, Th gặp C và nói “*Cậu ơi, cho cháu mượn xe đi chơi tí nhè*”, Công trả lời “*Không đi nữa, cô chửi đấy*”, Th nói tiếp “*Cháu mượn nốt lần này thôi, đi một lúc thôi*”. Thấy vậy, C đồng ý cho Th mượn xe mô tô và nói “*Đi thì đi nhanh rồi về*”, đồng thời C chỉ cho Th chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX, biển kiểm soát 22F1-7855 của Công dựng ở sân, cắm sẵn chìa khóa ở ổ khóa điện. Sau khi mượn được xe Th điều khiển xe mô tô đi đến xã NT, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn để tìm mua chất ma túy. Khi đến nơi, do không mua được chất ma túy và đã chi tiêu hết số tiền mang theo, nên Th đã nảy sinh ý định cầm cố chiếc xe mô tô mượn của ông C để lấy tiền chi tiêu cá nhân. Khoảng 13 giờ cùng ngày, Th điều khiển xe mô tô đến gặp bà Ma Thị Đ sinh năm 1980, trú tại thôn KT, xã NT, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn, khi đến nhà gặp bà Đ, Th nói “*Cháu đang cần tiền có việc gấp, thím cầm hộ cháu cái xe này mấy hôm với ạ!*”, bà Đ hỏi “*Xe của ai ? Có giấy tờ gì không ?*”, Th trả lời “*Xe của cháu, cháu không mang theo giấy tờ đâu*”. Bà Đ đồng ý cầm cố chiếc xe mô tô với giá 900.000 đồng. Sau khi cầm cố chiếc xe mô tô với bà Đ, Th đón ô tô khách sang tỉnh Thái Nguyên để bỏ trốn. Không thấy Th trả xe mô tô cho mình nên ngày 16/8/2023 ông C đã đến Cơ quan Công an trình báo sự việc.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 41/KL-HĐĐGTS, ngày 18/8/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Chiêm Hóa kết luận: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX, biển kiểm soát 22F1-7855 tại thời điểm tháng 5/2023 có trị giá là: 5.333.000đ (*Năm triệu ba trăm ba mươi ba nghìn đồng*).

Cáo trạng số: 61/CT-VKSCH ngày 25/10/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang truy tố Triệu Văn Th về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật hình sự.

Kết thúc phần tranh tụng, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang giữ nguyên quyết định truy tố về tội danh, điều luật đã nêu trong cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Triệu Văn Th phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

Về hình phạt chính: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; đoạn 1 điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Triệu Văn Th từ 09 tháng đến 01 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giam ngày 18/8/2023.

Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có tài sản, không có thu nhập ổn định và thuộc diện hộ nghèo nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 48 của Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 586, 589 và Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự buộc bị cáo Triệu Văn Th bồi thường cho ông Bàn Văn C số tiền 900.000 đồng mà ông C đã trả cho bà Đ.

Về vật chứng vụ án: Ngày 18/8/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Chiêm Hóa đã trả lại 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX biển kiểm soát 22F1-7855; 01 đăng ký xe mô tô, xe máy số 002967, biển kiểm soát 22F1-7855 cho chủ sở hữu Bàn Văn C, nên không đề cập xử lý.

Đối với bà Ma Thị Đa quá trình cầm cố xe mô tô không biết chiếc xe mô tô là tài sản do Triệu Văn Th phạm tội mà có nên không đề cập xử lý.

Ngoài ra đề nghị Hội đồng xét xử xem xét miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Ông Bàn Văn C vắng mặt tại phiên tòa đã có lời khai trình bày tại cơ quan điều tra xác định: Khoảng 11 giờ 30 phút, ngày 24/5/2023 Triệu Văn Th hỏi mượn xe mô tô nhãn hiệu Honda, kiểu dáng Weve RSX, màu sơn đỏ - đen, biển kiểm soát 22F1-7855 của ông C đi chơi, sau khi mượn xe Th đã cầm cố chiếc xe mô tô với bà Ma Thị Đ với số tiền là 900.000 đồng. Quá trình điều tra Công an huyện Chiêm Hóa đã trả lại cho ông C chiếc xe mô tô và ông C đã thay Th trả cho bà Đ số tiền 900.000 đồng. Ông C yêu cầu bị cáo Th phải trả cho ông số tiền 900.000 đồng, ngoài ra không yêu cầu bồi thường gì thêm. Về trách nhiệm hình sự đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ma Thị Đ vắng mặt tại phiên tòa có lời khai trình bày tại Cơ quan điều tra xác định: Ngày 24/5/2023 bị cáo Triệu Văn Th có đến nhà bà cầm cố 01 xe mô tô, nhãn hiệu Honda, loại xe Weve RSX, màu sơn đỏ - đen với số tiền 900.000 đồng, bà không biết xe do bị cáo phạm tội mà có. Quá trình điều tra bà đã tự nguyện giao nộp xe mô tô trên cho Cơ quan điều tra và được ông Bàn Văn C tự nguyện trả thay cho bị cáo Th số tiền 900.000 đồng, do vậy bà không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm.

Người bào chữa cho bị cáo phát biểu quan điểm: Nhất trí với nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Th khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo thuộc diện hộ nghèo, là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh

tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Căn cứ tình tiết nêu trên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 586, 589 và các Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự; các Điều 135, 136, 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Xử phạt bị cáo Triệu Văn Th mức án thấp nhất theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho ông Bàn Văn Công số tiền 900.000 đồng. Về hình phạt bổ sung: Đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Triệu Văn Th đã Th khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo phù hợp với nội dung cáo trạng đã nêu và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Bị cáo nhất trí với quan điểm bào chữa của người bào chữa và không có ý kiến tranh luận với luận tội của Viện kiểm sát. Nhận thức được hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung của vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Chiêm Hóa, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hóa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp, phù hợp theo quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa cũng như tại Cơ quan điều tra, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung cáo trạng truy tố. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Có đủ căn cứ để kết luận: Ngày 24/5/2023 Triệu Văn Th đã có hành vi Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt 01 chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Honda Wave RSX biển số 22F1-7855 trị giá 5.333.000 đồng (*Năm triệu ba trăm ba mươi ba nghìn đồng*) của ông Bàn Văn Công, địa chỉ: Thôn NK, xã KĐ, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

Như vậy, hành vi của bị cáo Triệu Văn Th đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hóa truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất ổn định an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý. Bị cáo có tiền án, tiền sự và nhân thân xấu: Năm 2015 bị Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xử phạt 07 tháng tù cho hưởng án treo về tội Đánh bạc (chưa chấp hành án phí và tiền phạt); ngày 07/7/2020 bị Ủy ban nhân dân xã KĐ, huyện Chiêm Hóa ra Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã đối với người nghiện ma túy; ngày 17/3/2023 bị Ủy ban nhân dân xã KĐ ra Quyết định cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng. Mặc dù bị cáo đã bị xét xử, bị xử phạt vi phạm hành chính chưa được xóa án tích nhưng bị cáo vẫn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội, thể hiện bị cáo không có ý thức chấp hành pháp luật và coi thường pháp luật nên cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm khắc tương xứng với mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bản án số 13/2015/HSST ngày 10/6/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xử phạt bị cáo 07 tháng tù cho hưởng án treo về tội Đánh bạc (chưa chấp hành án phí và tiền phạt) do vậy bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “tái phạm” quy định tại đoạn 1 điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Th khản khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo là dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào tính nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm chung; Hội đồng xét xử thấy rằng nội dung buộc tội, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở, đúng người, đúng tội, không oan sai. Do vậy căn cứ Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo hình phạt tù và cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để răn đe, cải tạo, giáo dục bị cáo thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật, đồng thời làm gương phòng ngừa tội phạm chung, xử phạt bị cáo mức án trong phạm vi đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa và người bào chữa cho bị cáo là phù hợp, có căn cứ.

[4] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử xét thấy rằng bị cáo có nghề nghiệp làm ruộng, không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng có giá trị và thuộc diện hộ nghèo nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Ông Bàn Văn C yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 900.000 đồng là tiền ông đã trả cho bà Ma Thị Đ khi bị cáo cầm cố xe mô tô. Tại phiên tòa bị cáo nhất trí bồi thường cho ông C số tiền 900.000 đồng, do vậy căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự, các Điều 584, 585, 586, 589 và Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự buộc bị cáo Triệu Văn Th bồi thường cho ông Bàn Văn C số tiền 900.000 đồng (*Chín trăm nghìn đồng*).

[6] Về vật chứng vụ án: Ngày 18/8/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Chiêm Hóa đã trả lại 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX biển kiểm soát 22F1-7855; 01 đăng ký xe mô tô, xe máy số 002967, biển kiểm soát 22F1-7855 cho chủ sở hữu Bàn Văn C. Do vậy Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[7] Về vấn đề khác: Đối với bà Ma Thị Đ quá trình cầm cố xe mô tô không biết chiếc xe mô tô là tài sản do bị cáo phạm tội mà có nên không đề cập xử lý.

[8] Về án phí: Bị cáo thuộc diện hộ nghèo, là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn nộp tiền án phí. Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 135, 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Hội đồng xét xử miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho bị cáo.

[9] Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; đoạn 1 điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38, Điều 48 Bộ luật hình sự;

Căn cứ các Điều 584, 585, 586, 589 và các Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ các Điều 135, 136, 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- *Về tội danh:* Tuyên bố bị cáo Triệu Văn Th phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

- *Về hình phạt:* Xử phạt bị cáo Triệu Văn Th 10 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam ngày 18/8/2023.

- *Về trách nhiệm dân sự:* Buộc bị cáo Triệu Văn Th phải bồi thường cho ông Bàn Văn C số tiền 900.000 đồng (*Chín trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- *Về án phí:* Miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho bị cáo.

- *Về quyền kháng cáo:* Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh TQ;
- VKSND huyện CH;
- Sở Tư pháp;
- Trại tạm giam Công an tỉnh;
- Cơ quanĐT CA huyện CH;
- Cơ quan THAHS CA huyện CH;
- Chi cục THADS huyện CH;
- Bộ phận HSNV CA huyện CH;
- Bị cáo và người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lương Thị Huệ